

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lữ Kim Hằng

2. Ông Trần Hưng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Võ Thị Thu N, sinh năm: 1991

Nghề nghiệp: buôn bán; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa;

Hộ khẩu thường trú: ấp D, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

Nơi ở hiện nay: ấp S, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

- Bị đơn: anh Trần Quốc Đ, sinh năm: 1983

Nghề nghiệp: Tài xế; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa

Hộ khẩu thường trú: ấp D, xã N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;

Nơi ở hiện nay: ấp S, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 07/12/2018; các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu N yêu cầu được ly hôn bị đơn Trần Quốc Đ,

lý do xin ly hôn theo chị N là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, khi kết hôn về chung sống với nhau đã không hạnh phúc, anh Đ thường hay nhậu nhẹt bạn bè say xỉn rồi về đập phá đồ đạc trong gia đình, vợ chồng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi vã, anh Đ cũng thường hù dọa đánh đập chị, nói rằng chị ngoại tình và đuổi chị ra khỏi nhà, từ tháng 02/2019 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: chị N xác định vợ chồng có người con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 25/11/2014, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hải Đ, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Đ; về con chung chị đồng ý giao cháu Trần Hải Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Không yêu cầu xem xét về nợ chung do không có.

Các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân (photo chứng thực); sổ hộ khẩu (photo chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con chung (bản sao); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án HNGĐ (bản sao lục); bản tự khai.

- Theo các lời khai tại Tòa án của bị đơn anh Trần Quốc Đ thể hiện: anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do từ khi chị N ra ngoài buôn bán thường đi chơi hát hò với bạn bè, đi chơi về khuya có khi không về nhà và anh nghi ngờ chị Ngân ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, vợ chồng cũng có đôi lúc mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, từ tháng 02/2019 đến nay thì vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh xác định vợ chồng còn tình cảm nên anh Đ không đồng ý ly hôn. Nếu trong trường hợp giải quyết ly hôn thì về con chung anh yêu cầu được quyền nuôi cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 25/11/2014, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: Chứng minh nhân dân (photo chứng thực); bản tự khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn anh Đ; về con chung: giao cháu Trần Hải Đ cho anh Đ tiếp

tục trực tiếp nuôi dưỡng; tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; chị N chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Quốc Đ và yêu cầu nuôi con, nên đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ nên xác định chị N là nguyên đơn và anh Đ là bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Quốc Đ có nơi cư trú tại: khu 5, ấp S, xã L, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2]Về việc áp dụng pháp luật: Chị N và anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2013, đến tháng 02/2019 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị N xin ly hôn. Vì vậy áp dụng Luật HN&GD năm 2014 để giải quyết cho anh chị là phù hợp.

[3]Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Thu N và anh Trần Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 20/12/2013 (BL 07), nên hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu N nhận thấy: theo trình bày của chị N và anh Đ thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do mâu thuẫn trong cuộc sống về kinh tế gia đình, chị N cho rằng anh Đ thường nhậu nhẹt say xỉn đập phá đồ đạc, anh Đ nghi ngờ chị N không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát và đã ly thân từ tháng 02/2019 nên chị N yêu cầu được ly hôn anh Đ. Xét thấy: căn cứ vào trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã không còn tồn tại trên thực tế. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; như vậy, đối chiếu với quy định này cho thấy chị N và anh Đ đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GD thì “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành*

vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử quyết định cho chị N ly hôn anh Đ là phù hợp.

Về yêu cầu quyền được trực tiếp nuôi con chung: tại phiên tòa ngày hôm nay chị N chấp thuận giao cháu Trần Hải Đg, sinh ngày 25/11/2014 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng; do đó cần chấp nhận ý kiến này, giao cháu Trần Hải Đg cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu Đg.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị N phải chịu án phí sơ thẩm.

[6]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về áp dụng Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết thì không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị Thu N ly hôn anh Trần Quốc Đ.

2. Về con chung: giao cháu Trần Hải Đg, sinh ngày 25/11/2014 cho anh Trần Quốc Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Võ Thị Thu N.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do không ai yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thu N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 004663 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh;*
- *VSKND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV.*

LÊ THỊ TÙNG